

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Kế hoạch phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Thanh Hóa năm 2017

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 163/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 08/10/2012 của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống HIV/AIDS hàng năm;

Căn cứ Quyết định số 5026/QĐ-BYT ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phòng, chống HIV/AIDS hàng năm;

Căn cứ Công văn số 1306/BYT-UBQG50 ngày 20/3/2017 của Ủy ban quốc gia phòng chống HIV và phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm về việc triển khai Kế hoạch phòng chống HIV/AIDS năm 2017;

Căn cứ Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 28/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Kế hoạch đảm bảo tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Quyết định số 4763/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu NSNN, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 828/TTr-SYT ngày 04/5/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Thanh Hóa, năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Thanh Hóa, năm 2017.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Y tế chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện công tác phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn theo kế hoạch được phê duyệt và hướng dẫn của Bộ Y tế; chỉ đạo Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tổ chức đôn đốc, kiểm tra và triển khai thực hiện Kế hoạch, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, có liên quan bố trí nguồn kinh phí theo quy định để thực hiện công tác phòng chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn sử dụng và thanh quyết toán kinh phí của các đơn vị đảm bảo đúng quy định hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Y tế tổ chức, triển khai thực hiện công tác phòng chống HIV/AIDS trên địa bàn theo kế hoạch được phê duyệt.

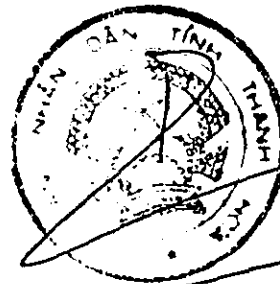
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Giám đốc Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- TTtr Tỉnh uỷ, HĐND (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT (để b/c);
- Lưu: VT, VXsln.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 5 năm 2017

KẾ HOẠCH

Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Thanh Hóa năm 2017

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1610/QĐ-UBND ngày 16/5/2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu:

Tăng cường tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống HIV/AIDS; tăng cường truyền thông về nguy cơ, tác hại của dịch HIV/AIDS và các biện pháp phòng, chống tới mọi đối tượng và cộng đồng; nâng cao nhận thức và làm thay đổi thái độ, hành vi của cộng đồng về phòng chống HIV/AIDS; hạn chế kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV/AIDS, góp phần thực hiện thành công mục tiêu Chiến lược quốc gia Phòng chống HIV/AIDS ở Việt Nam giai đoạn năm 2015 - 2020.

Huy động mọi nguồn lực và sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, mỗi người dân và cộng đồng vào các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

Tổ chức triển khai các biện pháp chuyên môn kỹ thuật y tế nhằm hạn chế tối đa lây truyền của HIV và giải quyết các vấn đề liên quan đến sức khỏe người nhiễm HIV/AIDS. Kết hợp chặt chẽ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS với các hoạt động phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm. Thực hiện các cam kết và tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động của các dự án về phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Yêu cầu:

Tăng cường các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, hướng đến mục tiêu 90-90-90 (90% người nhiễm HIV biết được tình trạng nhiễm HIV của bản thân; 90% người nhiễm HIV biết tình trạng HIV được điều trị ARV; 90% người nhiễm HIV điều trị ARV có tải lượng vi rút dưới ngưỡng ức chế), không chế tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư dưới 0,3%, giảm tác hại của đại dịch HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

3. Chỉ tiêu:

3.1. 100% các xã, phường, thị trấn và các ban, ngành, đoàn thể tổ chức hoạt động truyền thông về chống phân biệt, kỳ thị đối xử với người nhiễm HIV/AIDS, tổ chức các hoạt động của cộng đồng vào công tác phòng, chống HIV/AIDS.

3.2. 80% số người nghiện chích ma túy tiếp cận với chương trình bơm kim tiêm sạch.

3.3. 80% số người gái mại dâm và người quan hệ tình dục đồng giới tiếp cận được chương trình bao cao su.

3.4. 70% người nghiện các chất dạng thuốc phiện được điều trị thay thế bằng thuốc Methadone.

3.5. 90% người có hành vi nguy cơ cao được tiếp cận (Nghiện chích ma túy, mại dâm, bạn tình, vợ hoặc chồng người nhiễm HIV...).

3.6. 90% người có hành vi nguy cơ cao được xét nghiệm và phát hiện 1.148 người HIV(+) mới.

3.7. 90% người nhiễm HIV biết tình trạng HIV được điều trị ARV.

3.8. 90% người được điều trị ARV có tải lượng vi rút dưới ngưỡng ức chế.

3.9. 100% số phụ nữ mang thai nhiễm HIV và con của họ được điều trị dự phòng lây truyền HIV bằng thuốc ARV.

3.10. 100% số bệnh nhân mới đăng ký được dự phòng bằng CTX.

3.11. 100% số bệnh nhân HIV mắc lao được điều trị bằng ARV.

3.12. 80% số người nhiễm HIV được tiếp cận với dịch vụ y tế thanh toán qua Bảo hiểm y tế.

3.13. 100% số huyện triển khai giám sát trọng điểm HIV và giám sát phát hiện trường hợp nhiễm HIV theo đúng hướng dẫn quốc gia về xét nghiệm huyết thanh học HIV theo quy định của Bộ Y tế.

4. Chỉ tiêu cơ bản năm 2017 (chi tiết phụ lục 1; 3):

- Số người nghiện chích ma túy tiếp cận với chương trình bơm kim tiêm sạch, khoảng 5.560 người.

- Số người gái mại dâm và người quan hệ tình dục đồng giới tiếp cận chương trình bao cao su, khoảng 1.470 người.

- Số người nghiện các chất dạng thuốc phiện được điều trị thay thế bằng thuốc Methadone, khoảng 5.300 người (trong đó 3.500 bệnh nhân duy trì điều trị).

- Số người nguy cơ cao được tiếp cận: 33.626 người.

- Số người nguy cơ cao được xét nghiệm: 32.025 người.

- Số người nhiễm HIV/AIDS được điều trị bằng ARV năm 2017: khoảng 1.399 người, trong đó:

- + Số người nhiễm HIV/AIDS mới năm 2017 được điều trị: 1.034 người.

- + Số người nhiễm HIV/AIDS từ các năm trước được điều trị: 203 người.

- Tổng số người nhiễm HIV/AIDS điều trị ARV năm 2017: 4.700 người.

- Số người điều trị ARV được đo tải lượng vi rút: 4.230 người.

- Số phụ nữ mang thai được xét nghiệm dự phòng: 35.000 người.

- Tổng số Cơ sở điều trị Methadone được thành lập mới: 07 cơ sở.

- Tổng số Điểm cấp phát thuốc Methadone được thành lập mới: 35 điểm.

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoạt động 1: Dự phòng và can thiệp giảm tác hại

1.1. Mục tiêu chung: Khống chế tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm nghiện chích ma túy xuống dưới 15%, nhóm người bán dâm dưới 5% và nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới dưới 10%.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Mục tiêu 1: 80% tỷ lệ người nghiện chích ma túy tiếp cận với chương trình bơm kim tiêm.

- Mục tiêu 2: 80% tỷ lệ gái mại dâm tiếp cận với chương trình bao cao su.

- Mục tiêu 3: 60% tỷ lệ người quan hệ tình dục đồng giới tiếp cận với chương trình bao cao su.

- Mục tiêu 4: 5.300 người nghiện các chất dạng thuốc phiện, tiêm chích ma túy được điều trị Methadone (trong đó 3.500 bệnh nhân duy trì điều trị).

- Mục tiêu 5: 80% người dân trong độ tuổi từ 15 - 49 có hiểu biết đầy đủ kiến thức về HIV/AIDS.

- Mục tiêu 6: 80% người dân thay đổi nhận thức, không kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV.

1.3. Nội dung, giải pháp

- Tăng cường triển khai các biện pháp dự phòng phối hợp có hiệu quả, bao gồm can thiệp giảm tác hại, truyền thông có chủ đích, xét nghiệm và điều trị.

- Xây dựng các hướng dẫn về điều trị dự phòng; chú trọng điều trị dự phòng lây nhiễm HIV do quan hệ tình dục với người nhiễm HIV; nghiên cứu áp dụng các biện pháp điều trị dự phòng phổ cập ngoài cơ sở y tế.

- Xây dựng văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật và tổ chức thực hiện truyền thông về can thiệp dự phòng lây nhiễm HIV.

- Xây dựng hướng dẫn lập kế hoạch dựa trên phương pháp tiếp cận thị trường tổng thể cho bao cao su, chất bôi trơn và bơm kim tiêm.

2. Hoạt động 2: Xét nghiệm và giám sát dịch HIV/AIDS

2.1. Mục tiêu chung: Thiết lập hệ thống giám sát dịch HIV có khả năng dự báo xu hướng dịch ở từng địa phương cũng như toàn quốc; mở rộng độ bao phủ, cải thiện chất lượng và tăng cường thông tin xét nghiệm HIV.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Mục tiêu 1: 100% số huyện triển khai giám sát trọng điểm HIV và giám sát phát hiện trường hợp nhiễm HIV theo đúng hướng dẫn quốc gia về xét nghiệm huyết thanh học HIV.

- Mục tiêu 2: 100% trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV và nghi nhiễm HIV được làm xét nghiệm chẩn đoán sớm nhiễm HIV.

2.3. Nội dung, giải pháp:

2.3.1. Mở rộng độ bao phủ xét nghiệm phát hiện nhiễm HIV và xét nghiệm theo dõi điều trị

- Thí điểm xét nghiệm HIV dựa vào cộng đồng bao gồm cả tự xét nghiệm nhằm nâng cao sự tiếp cận với dịch vụ xét nghiệm HIV của các nhóm đối tượng

đích đặc biệt là nhóm “khó tiếp cận” nhằm đạt mục tiêu 90% người nhiễm HIV được chẩn đoán vào năm 2020.

- Cung cấp và làm xét nghiệm CD4 định kỳ cho các bệnh nhân.
- Thực hiện sử dụng các loại test chẩn đoán nhanh HIV mới nhằm làm tăng cơ hội xét nghiệm và phát hiện ca bệnh mới.

2.3.2. Cải thiện chất lượng xét nghiệm

- Cải thiện công tác xét nghiệm chẩn đoán sớm cho trẻ dưới 18 tháng tuổi đảm bảo 100% trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được xét nghiệm chẩn đoán sớm.
- Mở rộng và phân cấp mạng lưới phòng xét nghiệm khẳng định.
- Thực hiện các quy trình chuẩn: lấy mẫu, vận chuyển, thông báo và báo cáo.

2.3.3. Giám sát dịch HIV

- Triển khai đánh giá nhanh tình hình dịch.
- Cập nhật quy trình báo cáo đảm bảo giảm trùng lặp và thông tin ca bệnh được thu thập đầy đủ.
- Triển khai báo cáo qua hệ thống phần mềm xuống tuyến huyện.

2.3.4. 100% trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm và nghi nhiễm HIV được làm xét nghiệm chẩn đoán sớm.

- Tiếp tục mở rộng phòng tư vấn, xét nghiệm HIV.
- Tiếp tục mở rộng và hoàn thiện các điểm cung cấp dịch vụ dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con.

3. Hoạt động 3: Điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con

3.1. Mục tiêu chung:

- Giảm tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con dưới 2%.
- 90% người nhiễm HIV biết được tình trạng nhiễm của bản thân.
- 90% người nhiễm HIV (biết được tình trạng nhiễm) đủ điều kiện điều trị theo hướng dẫn điều trị quốc gia được điều trị ARV.
- 90% người nhiễm HIV điều trị ARV có tải lượng virus dưới ngưỡng lây truyền.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

- Mục tiêu 1: 90% bệnh nhân còn duy trì phác đồ ARV bậc 1 sau 12 tháng bắt đầu điều trị.
- Mục tiêu 2: 90% bệnh nhân đạt ngưỡng ức chế tải lượng vi rút HIV sau 12 tháng điều trị ARV (ức chế thành công tải lượng vi rút HIV).
- Mục tiêu 3: không chế 3% trẻ sinh từ mẹ nhiễm HIV được chẩn đoán sớm nhiễm HIV có kết quả dương tính.
- Mục tiêu 4: 90% phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng ARV.
- Mục tiêu 5: 90% bệnh nhân mới đăng ký được dự phòng bằng CTX.
- Mục tiêu 6: 40% người nhiễm HIV được tiếp cận với dịch vụ y tế thanh toán qua Bảo hiểm y tế.

3.3. Nội dung hoạt động:

- Mở rộng điều trị ARV tại cộng đồng và trong trại giam, thực hiện điều trị ARV không phụ thuộc CD4 cho một số nhóm đối tượng đặc biệt.

- Ổn định, củng cố và kiện toàn mạng lưới tổ chức phòng, chống HIV/AIDS các tuyến; lồng ghép các dịch vụ tư vấn, xét nghiệm, điều trị ARV, điều trị Methadon tạo thuận lợi cho người bệnh và tăng hiệu quả đầu tư; phân cấp và lồng ghép các dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS với các cơ sở y tế phù hợp; từng bước phân cấp điều trị ARV về tuyến xã, phường.

- Triển khai mô hình kết nối cung cấp dịch vụ tiếp cận nhóm nguy cơ cao bao gồm can thiệp dự phòng, xét nghiệm và điều trị ARV.

- Mở rộng việc điều trị ARV tại tuyến huyện và cấp phát thuốc ARV tại tuyến xã.

- Xây dựng và triển khai cung cấp gói y tế cơ bản và điều trị HIV/AIDS do Quỹ bảo hiểm y tế chi trả.

- Thông tin, truyền thông về điều trị ARV sớm, tập trung cho quần thể có hành vi nguy cơ cao.

- Mở rộng triển khai các hoạt động phối hợp HIV/lao tại các tuyến. Điều trị bằng thuốc ARV cho bệnh nhân HIV/Lao.

4. Hoạt động 4: Tăng cường năng lực hệ thống (Đào tạo, tập huấn, NCKH, hội nghị, hội thảo, quản lý, kiểm tra, giám sát,...)

4.1. Mục tiêu: Tăng cường năng lực hệ thống đảm bảo tính bền vững của chương trình phòng, chống HIV/AIDS.

4.2. Nội dung hoạt động:

- Tiếp tục củng cố, duy trì nâng cấp các trung tâm phòng, chống HIV/AIDS mà tập trung đầu tư, củng cố, duy trì, nâng cấp các trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh hiện có để nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động phòng, chống HIV/AIDS nhằm kiểm soát tốt tình hình dịch trên địa bàn tỉnh.

- Củng cố, ổn định tổ chức và tiếp tục nâng cao năng lực cho hệ thống phòng, chống HIV/AIDS trong khuôn khổ của hệ thống y tế.

- Đa dạng hóa các nguồn ngân sách cho chương trình phòng chống HIV. Hoàn thiện cơ chế mua sắm và cung ứng các hàng hóa có chất lượng bao gồm thuốc ARV, Methadon, sinh phẩm chẩn đoán HIV.

4.2.1. Đào tạo, tập huấn, nghiên cứu khoa học

- Xây dựng tài liệu đào tạo dành cho nhân viên tiếp cận cộng đồng, điều trị nghiên các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế và khám, điều trị các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục.

- Tập huấn TOT các lĩnh vực chuyên môn (can thiệp, xét nghiệm, điều trị, giám sát, truyền thông...) cho cán bộ tuyến tỉnh.

- Đào tạo về kỹ năng hỗ trợ kỹ thuật cho cán bộ hỗ trợ kỹ thuật tuyến tỉnh.

4.2.2. Quản lý, kiểm tra, giám sát, theo dõi và đánh giá hỗ trợ kỹ thuật

- Kiểm tra, giám sát, theo dõi và đánh giá việc triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

- Duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu để cung cấp thông tin và tài liệu cho công tác phòng, chống HIV/AIDS. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý ca bệnh điều trị HIV/AIDS.

- Phát triển mạng lưới hỗ trợ kỹ thuật về các lĩnh vực chuyên môn.

4.2.3. Cung ứng thuốc, sinh phẩm, vật dụng y tế bền vững

- Xây dựng nhu cầu thuốc điều trị ARV, Methadone và sinh phẩm hằng năm và cả giai đoạn, tiếp tục quy trình dự trù, mua sắm, hướng dẫn sử dụng và cấp phát thuốc ARV cho các bộ y tế tại Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS và cơ sở điều trị.

- Thanh quyết toán BHYT cho thuốc ARV: Cơ sở điều trị tổng hợp số lượng sử dụng thuốc ARV theo từng đối tượng có thẻ BHYT gửi Sở Y tế tổng hợp gửi Bộ Y tế để thanh quyết toán với Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Các bệnh nhân không có thẻ BHYT thanh toán thực tiếp cho cơ sở điều trị, Cơ sở điều trị tổng hợp kinh phí, chuyển Sở Y tế tổng hợp từ các cơ sở trên địa bàn để chuyển cho Bộ Y tế.

4.2.4. Lồng ghép và kết nối cung cấp dịch vụ

- Lồng ghép triển khai phân phát bơm kim tiêm, bao cao su với tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện, chăm sóc, điều trị ARV.

- Lồng ghép các hoạt động can thiệp với mô hình cai nghiện tại cộng đồng, các mô hình sau cai.

- Lồng ghép tư vấn và xét nghiệm chẩn đoán sớm HIV vào các dịch vụ tại mạng lưới y tế cơ sở.

- Lồng ghép các dịch vụ điều trị HIV vào hệ thống y tế tư nhân và khuyến khích thanh toán, chi trả các dịch vụ qua Bảo hiểm y tế.

- Phối hợp và lồng ghép các hoạt động can thiệp của chương trình dự phòng lây truyền mẹ con vào chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản đặc biệt là xét nghiệm sàng lọc HIV cho phụ nữ mang thai.

- Xây dựng cơ chế điều phối, kết nối dịch vụ trong việc chăm sóc và điều trị liên tục HIV/AIDS với các dịch vụ liên quan đến HIV.

- Kiện toàn hệ thống điều trị HIV/AIDS, lồng ghép điều trị HIV/AIDS vào hệ thống y tế tiếp cận với bảo hiểm y tế.

- Phân cấp dịch vụ HIV xuống các cơ sở chăm sóc sức khỏe ban đầu và lồng ghép với các hoạt động chăm sóc sức khỏe nhằm tận dụng hệ thống y tế hiện có đồng thời mở rộng sự sẵn có của dịch vụ từ đó tăng độ tiếp cận với dịch vụ cho các quần thể đích.

- Thực hiện mô hình phối hợp điều trị HIV/lao tại y tế cơ sở.

- Lồng ghép hệ thống cung cấp dịch vụ HIV vào hệ thống bệnh viện để đảm bảo việc tiếp cận chẩn đoán và điều trị HIV.

III. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2017

Căn cứ Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 28/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Kế hoạch đảm bảo tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015-2020; các dự án tài trợ;

Quyết định số 4763/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu NSNN, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017;

Tổng hợp dự toán ngân sách theo các nguồn ngân sách:

DVT: nghìn đồng

TT	Nguồn ngân sách	Tổng dự toán	Ghi chú
1	Ngân sách xã, phường, thị trấn	4,089,540	Thông tư Liên tịch số 163/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 08/10/2012
2	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố	2,565,000	Thông tư Liên tịch số 163/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 08/10/2012
3	Ngân sách tỉnh	3,613,000	Quyết định số 4763/QĐ-UBND ngày 09/12/2016
4	Ngân sách Trung ương (CTMTQG)	35,834,458	Cung cấp thuốc ARV, Methadol
5	Ngân sách từ các dự án	52,794,397	Cung cấp hóa chất, vật tư, sinh phẩm, đào tạo nâng cao năng lực
5.1	Dự án VAAC-US.CDC:	20,141,413	
5.2	Dự án Quỹ toàn cầu:	4,255,465	
5.3	Dự án ADB:	28,397,519	
	Tổng cộng:	151,690,000	

(Một trăm năm một tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng chẵn)

(Chi tiết phụ lục 2)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính và các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu, xây dựng và đề xuất cơ chế, chính sách các giải pháp huy động tài chính cụ thể cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, bao gồm cả việc huy động các nguồn viện trợ.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành là thành viên của Ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai các nội dung của Kế hoạch trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Chỉ đạo các đơn vị y tế trong tỉnh trong việc thực hiện Kế hoạch phòng, chống HIV/AIDS 2017.

2. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế căn cứ vào Kế hoạch đảm bảo tài chính cho các hoạt động phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2015-2020 đề xuất tổng ngân sách nhà nước cho phòng, chống HIV/AIDS 2017; trình Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất tình hình huy động và sử dụng kinh phí phòng, chống HIV/AIDS, bảo đảm đúng mục tiêu, nhiệm vụ, sử dụng có hiệu quả kinh phí và tuân thủ các quy định tài chính, kế toán hiện hành.

- Bố trí nguồn ngân sách mua thẻ Bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV/AIDS.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở tài chính nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường, huy động vốn đầu tư phát triển cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS và thực hiện việc phân bổ, điều phối các nguồn đầu tư cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo đúng các quy định hiện hành.

4. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các Sở, ngành liên quan và các địa phương chỉ đạo, hướng dẫn các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin tuyên truyền ở cơ sở thực hiện tốt thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân đối với hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chỉ đạo hướng dẫn ngành xây dựng kế hoạch huy động nguồn kinh phí triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong trường học và sử dụng có hiệu quả kinh phí phòng, chống HIV/AIDS huy động được.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội :

Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, đơn vị tạo điều kiện để người nhiễm HIV/AIDS và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS tiếp cận được với các chính sách xã hội hiện hành dành cho người yếu thế, những người dễ bị tổn thương.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Chủ trì phối hợp với Sở Y tế, các Sở, ngành liên quan và các địa phương xây dựng cơ chế, giải pháp cụ thể huy động tài chính cho các hoạt động văn hóa thể thao và du lịch phòng, chống HIV/AIDS tại các cơ sở vui chơi giải trí, khu công cộng, công viên, vườn hoa, nhà nghỉ, nhà hàng, khách sạn...

8. Bảo hiểm xã hội tỉnh:

Chủ trì phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn các cơ quan trực thuộc thực hiện chi trả một số dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS qua hệ thống bảo hiểm. Đẩy mạnh và mở rộng việc cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh đối với người nhiễm HIV/AIDS thông qua hệ thống Bảo hiểm y tế. Cung cấp, in thẻ Bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV/AIDS.

9. Sở Ngoại vụ:

Chủ trì xúc tiến vận động, quản lý hoạt động của các khoản viện trợ thuộc các chương trình, dự án nhân đạo, viện trợ của các tổ chức phi Chính phủ...

10. Công an tỉnh:

Phối hợp với ngành Y tế; Lao động - Thương binh và xã hội tổ chức triển khai lồng ghép các hoạt động phòng, chống ma túy với điều trị thay thế. Chỉ đạo công tác điều tra khảo sát, phân loại người nghiện ma túy, cung cấp số liệu thực tế về nhu cầu triển khai cơ sở điều trị thay thế ở các địa phương.

11. Các sở, ngành, cơ quan khác:

Chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí phòng, chống HIV/AIDS đúng mục đích, có hiệu quả, thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành. Đưa hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo quy định của Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người vào kế hoạch công tác, bao gồm kế hoạch kinh phí thường xuyên của Sở, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị.

12. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

- Phối hợp với ngành Y tế và các ngành có liên quan cùng cấp tăng cường huy động các tổ chức dựa vào cộng đồng tham gia hoạt động phòng, chống HIV/AIDS bằng nguồn kinh phí tự huy động được.

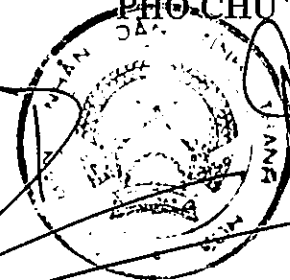
- Triển khai rộng khắp phong trào “Toàn dân tham gia phòng, chống HIV/AIDS tại cộng đồng dân cư”. Đưa hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào các phong trào, các cuộc vận động quần chúng, các sinh hoạt cộng đồng ở cơ sở.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Chủ động đầu tư, bố trí ngân sách thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch thực hiện phòng, chống HIV/AIDS năm 2017, đồng thời chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định về tài chính hiện hành.

Trên cơ sở Kế hoạch này, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường, thị trấn lập kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

Phụ lục 1:

Chỉ tiêu chuyên môn năm 2017 giao cho các huyện, thị, thành phố

TT	Huyện, thị, thành phố	ĐVT	Tiếp cận đối tượng nguy cơ cao	Xét nghiệm HIV		Điều trị ARV			Tổng số BN ĐT Methadone	Ghi chú
				Số ca xét nghiệm	Số HIV(+) được phát hiện	Số HIV mới ĐT Năm 2017	Số HIV cũ ĐT Năm 2017	Tổng cộng		
1	Trung tâm PC HIV/AIDS tỉnh	Người	2,205	2,100	200	180	63	243	500	
2	Tp. Thanh Hóa	Người	1,313	1,250	150	130	55	185	750	
2	Sầm Sơn	Người	1,533	1,460	75	67	4	71	200	
3	Đông Sơn	Người	1,292	1,230	55	49	2	51	180	
4	Hậu Lộc	Người	1,659	1,580	95	85	4	89	220	
5	Hoằng Hóa	Người	1,985	1,890	90	81	3	84	250	
6	Nông Cống	Người	1,607	1,530	60	54	4	58	250	
7	Quảng Xương	Người	1,985	1,890	70	63	5	68	200	
8	Thường Xuân	Người	1,512	1,440	40	36	5	41	150	
9	Tĩnh Gia	Người	1,659	1,580	45	40	4	44	250	
10	Triệu Sơn	Người	1,449	1,380	67	60	3	63	80	
11	Bỉm Sơn	Người	1,271	1,210	35	32	1	33	150	
12	Ngọc Lặc	Người	840	800	25	23	3	26	200	
13	Thọ Xuân	Người	1,985	1,890	25	23	7	30	200	
14	Mường Lát	Người	641	610	20	18	3	21	120	
15	Quan Hóa	Người	914	870	20	18	5	23	250	
16	Bá Thước	Người	840	800	20	18	3	21	120	
17	Hà Trung	Người	1,502	1,430	20	18	3	21	200	

18	Lang Chánh	Người	914	870	20	18	1	19		
19	Cầm Thủy	Người	672	640	30	27	4	31	250	
20	Thạch Thành	Người	945	900	45	41	1	42	80	
21	Như Xuân	Người	1,470	1,400	35	32	3	35	80	
22	Nga Sơn	Người	945	900	30	27	1	28	100	
23	Vĩnh Lộc	Người	368	350	7	6	2	8	50	
24	Như Thanh	Người	284	270	5	4	2	6		
25	Yên Định	Người	966	920	27	25	5	30	100	
26	Quan Sơn	Người	431	410	12	10	3	13	100	
27	Thiệu Hóa	Người	446	425	13	11	4	15	120	
28	Trung tâm TCCDVCTXH	Người							150	
	Tổng cộng:		33,626	32,025	1,148	1,034	203	1,399	5,300	

* Chỉ tiêu Tiếp cận, xét nghiệm và điều trị Methadone do Trung tâm y tế thực hiện.

* Chỉ tiêu điều trị ARV giao cho bệnh viện đa khoa thực hiện.



Phụ lục 2 Tổng hợp các hoạt động và dự toán ngân sách năm 2017

ĐVT: 1000 đồng

STT	Các hoạt động triển khai/Nguồn kinh phí	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền	Ghi chú
1. NGUỒN KINH PHÍ TỪ CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN (trích từ nguồn ngân sách địa phương):					4,089,540	
1.1	Hỗ trợ cho công tác quản lý về HIV tuyến xã: Giao ban, Văn phòng phẩm, báo cáo... (Định mức chi theo TT 163).	Xã, P, TT	637	120	917,280	
1.2	Triển khai phong trào toàn dân tham gia phòng, chống HIV/AIDS tại cộng đồng dân cư và các phong trào dựa vào cộng đồng khác	Xã, P, TT	637	1,000	637,000	
1.3	Truyền thông qua hệ thống truyền thanh xã, phường, thị trấn(100%). (165.000đ/tháng. (Định mức chi theo TT 163).	Xã, P, TT	637	165	1,261,260	
1.4	Tổ chức truyền thông Tháng cao điểm dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, Tháng hành động quốc gia PC AIDS. (Băng zon, khẩu hiệu...). Mỗi xã 2 cái	Cái	2,548	500	1,274,000	
2. NGUỒN KINH PHÍ TỪ CÁC HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ (trích từ nguồn ngân sách địa phương)::					2,565,000	
2.1	Truyền thông qua hệ thống Đài phát thanh, truyền hình huyện, thị, TP, tuyên truyền ... (Định mức chi theo TT 163).	Huyện, thị, TP	27	15,000	405,000	
2.2	Tổ chức truyền thông Tháng cao điểm dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, Tháng hành động quốc gia phòng chống AIDS. Mỗi huyện, thị làm điểm 02 xã/P/TT	Huyện, thị, TP	216	10,000	2,160,000	
3. NGUỒN KINH PHÍ TỪ KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO TÀI CHÍNH TỈNH:					3,613,000	
3.1	Chi trả phụ cấp cho hệ thống cán bộ làm công tác phòng, chống HIV/AIDS tuyến xã phường trọng điểm	Trạm y tế	108	200	259,200	
3.2	Chi trả phụ cấp cho hệ thống cán bộ làm công tác phòng, chống HIV/AIDS tuyến xã phường trọng điểm	Trạm y tế	527	100	632,400	
3.3	In ấn và cấp phát tài liệu truyền thông tại 27 huyện, thị, thành phố cho hộ gia đình/cá nhân	Tờ	150,000	2	300,000	
3.4	In ấn Poster (64*85) cm	Tờ	3,505	50		
3.5	Tuyên truyền tại các ban ngành, đoàn thể (Hội phụ nữ, HCCB, ban tuyên giáo, hội phụ nữ, báo VH< đời sống, báo thanh Hóa, báo lao động xã hội , trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe, ban dân tộc, mặt trận tổ quốc. Bộ đội biên phòng	Đơn vị	11	13,000	143,000	
3.6	Tuyên truyền tại 27 đơn vị Trung tâm (mit tỉnh, hội nghị truyền thông...)	Đơn vị	27	10,000	270,000	

3.7	Mua tạp chí AIDS và cộng đồng	Cuốn	2,000	8	16,000	
3.8	Băng Zoll KT 12mx0.8m	Cái	60	600	36,000	
3.9	Tổ chức mit tỉnh Tháng hành động quốc gia phòng chống HIV/AIDS (12/2015)	Lần	1	1	48,200	
3.10	Hoạt động: mua vật tư sinh phẩm xét nghiệm cơ bản và HIV (thanh toán theo đơn giá khi cung ứng)	Sinh phẩm			94,000	
3.11	Hội nghị triển khai kế hoạch và tổng kết công tác phòng, chống HIV/AIDS	Hội nghị	1	15,000	15,000	
3.12	Hoạt động giám sát dịch tễ học tại Trung tâm PC HIV/AIDS và Liên ngành của BCĐ tỉnh	Lần	2	69,600	139,200	
3.13	Cung cấp vật tư, sinh phẩm, hóa chất cho xét nghiệm đo tải lượng virus	Mẫu	1,000	1,300	1,300,000	
3.14	Vốn đối ứng dự án nâng cao năng lực phòng, chống HIV/AIDS tiểu vùng sông Me Kong	Năm	1	200,000	200,000	
3.15	Vốn đối ứng dự án Quỹ toàn cầu phòng, chống HIV/AIDS	Năm	1	160,000	160,000	
3.16	Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các Cơ sở điều trị Methadone (Giao trực tiếp cho các Cơ sở điều trị Methadone trong tỉnh).	Năm				
4. NGUỒN KINH PHÍ TỪ TRUNG ƯƠNG (CTMTQG):					35,834,458	
4.1	Truyền thông qua hệ thống Đài phát thanh, truyền hình và Báo in tỉnh.	Đơn vị	13	10,000	130,000	
4.2	Duy trì hoạt động trang Web site của TTPC HIV/AIDS	Lần	1	20,000	20,000	
4.3	Mua tạp chí AIDS và cộng đồng	Quyển	10,000	10	100,000	
4.4	Băng zon tháng chiến dịch phòng chống HIV/AIDS	Lần	1	30,000	30,000	
4.5	Sửa chữa Bảng led tại TTPC HIV/AIDS	Lần	1	25,000	25,000	
4.6	Hỗ trợ các huyện không có dự án cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS	Đơn vị	5	15,000	75,000	
4.7	Mít tỉnh, diễu hành tháng cao điểm dự phòng lây truyền mẹ con (6/2015)	Lần	1	50,000	50,000	
4.8	Băng zoll tháng cao điểm dự phòng lây truyền mẹ con (6/2015)	Cái	50	600	30,000	
4.9	Phóng sự tháng cao điểm dự phòng lây truyền mẹ con (6/2015)	Lần	2	15,000	30,000	
4.10	In sao băng đĩa dự phòng lây truyền mẹ con	Cái	1,000	20	20,000	
4.11	Giám sát thường xuyên và trọng điểm HIV	Mẫu	650	94	59,458	
4.12	Tổ chức các đoàn giám sát định kỳ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh	Năm	1	250,000	250,000	
4.13	Hỗ trợ các huyện không có dự án triển khai	Đơn vị	5	50,000	250,000	
4.14	Bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị xét nghiệm	Lần	2	50,000	100,000	

4.15	Kinh phí cung cấp thuốc ARV điều trị cho bệnh nhân HIV/AIDS (Nguồn điều phối từ Cục phòng, chống HIV/AIDS do ngân sách nhà nước và các dự án tài trợ)	Người	4,700	5,700	26,790,000	
4.16	Kinh phí cung cấp thuốc Methadone cho các Cơ sở điều trị trong tỉnh (Nguồn điều phối từ Cục phòng, chống HIV/AIDS do ngân sách nhà nước và các dự án tài trợ)	Người	3,500	2,250	7,875,000	
5. NGUỒN KINH PHÍ TỪ CÁC DỰ ÁN TÀI TRỢ:					52,794,397	
5.1. DỰ ÁN VAAC - US.CDC (Chi tiết phụ lục 3 kèm theo):					20,141,413	
5.1.1	Chương trình tiếp cận cộng đồng	Năm	1	6,456,276	6,456,276	
5.1.2	Chương trình Methadone	Năm	1	1,694,865	1,694,865	
5.1.3	Tư vấn và xét nghiệm HIV tự nguyện	Năm	1	5,873,706	5,873,706	
5.1.4	Phòng khám ngoại trú người lớn	Năm	1	4,933,438	4,933,438	
5.1.5	Chương trình lao	Năm	1	415,270	415,270	
5.1.6	Ban quản lý dự án	Năm	1	767,858	767,858	
5.2. DỰ ÁN QUỸ TOÀN CẦU:					4,255,465	
5.2.1	Chi phí vận chuyển mẫu tải lượng VR, CD4	Mẫu	10000	35	358,300	
5.2.2	Chi phí công xét nghiệm, lấy mẫu lây truyền mẹ con	Mẫu	22,000	7	145,195	
5.2.3	Chi phí phụ cấp đồng đẳng viên nghiện chích ma túy	Người	175	500	1,050,619	
5.2.4	Chi phí hủy bơm kim tiêm	Kg	12,358	22	271,881	
5.2.5	Mua trang thiết bị xét nghiệm	Cái	600	260	156,010	
5.2.6	Tập huấn xét nghiệm	Học viên	50	2,618	130,923	
5.2.7	Chi phí phụ cấp đồng đẳng viên mại dâm	Người	15	500	90,002	
5.2.8	Chi phí lưu kho bãi can thiệp	Kho	12	4,200	50,398	
5.2.9	Hỗ trợ nhóm VCT lưu động	Đợt	4	21,263	85,052	
5.2.10	Giám sát	Đợt	4	44,070	176,281	
5.2.11	Tập huấn báo cáo	Học viên	70	2,160	151,194	
5.2.12	Chi phí xét nghiệm CD4, đo tải lượng vi rút	Mẫu	1000	265	264,924	
5.2.13	Tập huấn Lao/HIV	Học viên	190	2,853	542,113	
5.2.14	Tập huấn đồng đẳng viên	Học viên	190	1,356	257,609	
5.2.15	Chi phí công xét nghiệm, lấy mẫu lây truyền mẹ con	Mẫu	35,000	15	524,964	
5.3. DỰ ÁN QUỸ ADB:					28,397,519	

	Hoạt động và kinh phí do Ban quản lý dự án ADB Trung ương mua trang thiết bị và cấp cho tỉnh				26,619,525	
5.3.1	Mua trang thiết bị hỗ trợ hoạt động giám sát và truyền thông cho Ban quản lý dự án ADB Trung ương và Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh				188,830	
5.3.2	Cung cấp trang thiết bị phòng xét nghiệm kháng định				3,834,759	
5.3.3	Trang thiết bị phòng xét nghiệm cho tuyến huyện				16,330,610	
5.3.4	Mua bổ sung trang thiết bị xét nghiệm cho 01 phòng xét nghiệm tuyến huyện				1,916,070	
5.3.5	Mua 01 xe ô tô hỗ trợ xét nghiệm lưu động				858,320	
5.3.6	Mua sắm trang thiết bị có các cơ sở Methadone, các điểm cấp phát thuốc Methadone				2,603,477	
5.3.7	Cung cấp bộ công cụ tuyên truyền cho nhân viên y tế thôn bản				303,802	
5.3.8	Mua 05 xe máy có thùng đựng hàng (để chuyển mẫu)				583,657	
	Hoạt động và kinh phí do Ban quản lý dự án ADB tỉnh Thanh Hóa thực hiện				1,777,994	
5.3.9	Tổ chức hội thảo hàng năm về lập kế hoạch, giám sát, đánh giá ở tỉnh, huyện và hội nghị tổng kết dự án				283,622	
5.3.10	Giám sát hỗ trợ kỹ thuật các huyện dự án thực hiện hoạt động Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh				230,459	
5.3.11	Đào tạo cho người hành nghề y tế tư nhân về dự phòng và chăm sóc HIV, STI				33,475	
5.3.12	Tổ chức khóa đào tạo lại 1 tuần cho toàn bộ các nhân viên y tế thôn bản				605,129	
5.3.13	Tổ chức hội nghị hàng năm với Sơn La và tỉnh Huaphan, Lào về hợp tác biên giới				54,689	
5.3.14	Thực hiện hoạt động thí điểm Mô hình phòng, chống HIV/AIDS khu vực biên giới và qua biên giới Việt Lào				570,620	
	TỔNG CỘNG KINH PHÍ:					

BẢNG TỔNG HỢP NGÂN SÁCH VÀ NGUỒN NGÂN SÁCH

1	Ngân sách xã, phường, thị trấn:				4,089,540	
2	Ngân sách huyện, thị, thành phố:				2,565,000	
3	Ngân sách tỉnh:				3,613,000	
4	Ngân sách Trung ương(CTMT quốc gia):				35,834,458	
5	Ngân sách từ các dự án, gồm có:				52,794,397	
5.1	Dự án VAAC-US.CDC:				20,141,413	
5.2	Dự án Quỹ toàn cầu:				4,255,465	
5.3	Dự án ADB:				28,397,519	

Phụ lục 3. Ước tính số người nghiện chích ma túy, PNBD

(Nguồn số liệu từ Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh)

STT	Huyện, thị, thành phố	Ước tính số người NCMT	Ước tính số PNBD	Ghi chú
1	Thành Phố	1120	366	
2	Thọ Xuân	319	20	
3	Sầm Sơn	321	55	
4	Mường Lát	432	1	
5	Quan Hóa	385	33	
6	Hoàng Hóa	322	11	
7	Hậu Lộc	437	46	
8	Tĩnh Gia	288	174	
9	Quảng Xương	268	93	
10	Hà Trung	265	13	
11	Ngọc Lặc	316	46	
12	Như Xuân	196	57	
13	Triệu Sơn	208	79	
14	Thường Xuân	281	66	
15	Nông Cống	169	11	
16	Bỉm Sơn	186	233	
17	Bá Thước	181	134	
18	Yên Định	155	0	
19	Thiệu Hóa	160	16	
20	Nga Sơn	180	81	
21	Đông Sơn	124	14	
22	Thạch Thành	157	135	
23	Quan Sơn	164	40	
24	Cẩm Thủy	97	0	
25	Lang Chánh	90	13	
26	Vĩnh Lộc	64	106	
27	Như Thanh	62	0	
	Tổng cộng:	6947	1843	